

Bản án số: 25/2018/HS-PT

Ngày 20 - 8 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Ma Hồng Thắng;

Bà Hoàng Thị Minh Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 33/2018/TLPT-HS ngày 06 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo Mạc Đình D do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2018/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.

Bị cáo có kháng cáo:

Mạc Đình D, sinh ngày 22/5/1982, tại thị trấn TY, huyện HY, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 35, phường TQ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Tổ nhân dân BM (tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai hiện nay đã chuyển Đ2 ở tại Tổ nhân dân Tân Tiến), thị trấn TY, huyện HY, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mạc Đình N (đã chết) và bà Thiều Thị Đ, sinh năm 1945; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (*Có mặt tại phiên tòa*).

Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 bị hại không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng từ cuối năm 2015 Đ2 tháng 02/2016, Mạc Đình D làm cộng tác viên cho văn phòng đại diện của Công ty Cổ phần phát triển nguồn nhân lực HL - Hà Nội, tại số 48, đường TP, tổ 19, phường TQ, thành phố T, tỉnh Tuyên

Quang (không có hợp đồng lao độngH bằng văn bản). Văn phòng đại diện này có chức năng tuyên truyền, tư vấn, tuyển dụng công nhân xuất khẩu lao động cho Công ty Cổ phần phát triển nguồn nhân lực HL - Hà Nội. Công việc chính của D là đi tìm và giới thiệu cho Văn phòng đại diện Công ty những khách hàng có nhu cầu đi xuất khẩu lao động, đồng thời tư vấn, hướng dẫn khách hàng làm hồ sơ, thủ tục xuất khẩu lao động. D đã môi giới và làm hoàn thiện thủ tục cho một số người ở xã TT, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Đến ngày 25/4/2016 Văn phòng đại diện của Công ty Cổ phần phát triển nguồn nhân lực HL tại tỉnh Tuyên Quang đã chấm dứt hoạt động vì lý do hiệu quả kinh doanh thấp.

Sau khi không làm việc cho văn phòng đại diện của Công ty Cổ phần phát triển nguồn nhân lực HL, Mạc Đình D nợ tiền của nhiều người không có tiền trả nợ nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Do có sự hiểu biết về quy trình, thủ tục tuyển dụng người đi xuất khẩu lao động và lợi dụng uy tín của bản thân trong suốt thời gian làm việc tại Văn phòng đại diện của Công ty Cổ phần phát triển nguồn nhân lực HL, D đã tìm gặp những người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động để tư vấn, hướng dẫn làm thủ tục xuất khẩu lao động và yêu cầu họ đưa trước một khoản tiền làm các thủ tục xuất khẩu lao động để chiếm đoạt số tiền đó. Với thủ đoạn trên Mạc Đình D đã 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể:

Lần 1: Cuối năm 2015 Mạc Đình D Đ2 nhà bà Nông Thị H, trú tại xóm 10, xã TT, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang để tư vấn, hướng dẫn làm hồ sơ, thủ tục cho anh Trần Trọng T là con trai bà H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Đến tháng 6/2016 D yêu cầu gia đình bà H phải đưa trước cho D số tiền 100.000.000đ để đóng tiền lệ phí đăng ký, thi tuyển. Ngày 20/6/2016 D Đ2 nhà bà H, bà H đưa cho D số tiền 100.000.000đ (D và bà H có viết giấy biên nhận), số tiền này D trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Sau đó D đưa anh Th xuống Công ty Cổ phần nguồn nhân lực và phát triển kinh tế hợp tác (tên viết tắt là LABCOOP, địa chỉ A9, khu đô thị TH, phố Th1, quận C, thành phố Hà Nội để liên hệ làm thủ tục thi tuyển đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản nhưng D không đóng tiền vào công ty. Đến tháng 10/2016 Công Ty LABCOOP thông báo cho bà H về việc anh Th không đủ điều kiện đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Gia đình bà H đã nhiều lần yêu cầu Mạc Đình D trả lại tiền nhưng D không trả. Ngày 30/11/2017 bà H đã làm đơn tố cáo đối với hành vi phạm tội của D.

Lần 2: Cũng với thủ đoạn trên, ngày 06/9/2016 Mạc Đình D Đ2 gia đình ông Bàn Hữu V, trú tại thôn Đ, xã TT, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang để tư vấn, hướng dẫn gia đình ông V làm hồ sơ cho con trai là Bàn Văn Đ2 đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, D yêu cầu gia đình ông V phải đưa trước cho D số tiền 60.000.000đ để đóng tiền lệ phí, đăng ký, thi tuyển đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, ông V đồng ý và đưa cho D 60.000.000đ (D và ông V có viết giấy biên nhận), số tiền này D trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Sau đó, D đưa anh Đ2 xuống Công ty LABCOOP để liên hệ làm thủ tục thi tuyển đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản nhưng D không nộp tiền vào Công ty để làm thủ tục cho anh Đ2. Đến tháng 11/2016 công ty LABCOOP thông báo cho ông V phải nộp tiền vào để làm

thủ tục cho anh Đ2 đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản vào ngày 09/5/2017. Sau khi biết D không nộp tiền vào Công ty, ông V đã nhiều lần yêu cầu D trả lại tiền nhưng D không trả. Ngày 30/11/2017, ông V đã làm đơn tố cáo hành vi phạm tội của D.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2018/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện YS, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Mạc Đình D phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt: Bị cáo Mạc Đình D 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06/6/2018, bị cáo Mạc Đình D có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và bổ sung kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định nên được cấp phúc thẩm xem xét giải quyết.

** Kiểm sát viên phát biểu quan điểm và trình bày luận tội:*

Về thủ tục kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, đúng pháp luật; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đúng tổ tụng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Mạc Đình D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo. Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xử phạt bị cáo 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không xuất trình tình tiết mới làm căn cứ kháng cáo của bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức án như cấp sơ thẩm đã tuyên. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên. Khi được Hội đồng xét xử cho phép nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Mạc Đình D tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong các ngày 20/6/2016 và ngày 06/9/2016, Mạc Đình D, sinh năm 1982, trú tại tổ nhân dân BM (tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai hiện nay đã chuyển Đ2 ở tại Tổ nhân dân TT), thị trấn TY, huyện HY, tỉnh Tuyên Quang đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (tiền) của người khác, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 20/6/2016, tại gia đình bà Nông Thị H ở xóm 10, xã TT, huyện YS, Mạc Đình D đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 100.000.000đ của bà Nông Thị H.

- Lần 2: Ngày 06/9/2016, tại gia đình ông Bàn Hữu V ở thôn Đặng, xã TT, huyện YS, Mạc Đình D đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 60.000.000đ của ông Bàn Hữu V.

Tổng số tiền bị cáo D chiếm đoạt của bà H và ông V là 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của các bị hại khi có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài để họ đưa tiền, nhưng khi bị hại đưa tiền cho bị cáo thì bị cáo không nộp vào công ty để làm thủ tục xuất khẩu lao động mà dùng số tiền bị hại đã đưa cho bị cáo để chi tiêu cá nhân, hành vi đó trực tiếp xâm phạm Đ2 quyền sở hữu đối với tài sản của người khác. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đó là: Bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tình tiết giảm nhẹ hình phạt là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại; bị cáo có bố và mẹ được tặng thưởng Huân chương, Huy chương trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bị hại bà Nông Thị H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đó là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 với mức án 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không xuất trình được tình tiết mới làm căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bị cáo. Xét mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo, cần giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

[5] Bị cáo Mạc Đình D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự,
Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mạc Đình D, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 26/2018/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện YS, tỉnh Tuyên Quang về hình phạt như sau:

Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Mạc Đình D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Bị cáo Mạc Đình D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (20/8/2018)/.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TA + VKS + CA huyện YS;
- Chi cục THADS huyện YS;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Thanh Sơn

